TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Chùa Song Tử Tây trên quần đảo Trường Sa

ISSN: 2734-9195 10:10 12/02/2025

Chùa Song Tử Tây là một trong những ngôi chùa nằm trên quần đảo Trường Sa, được xây dựng nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân phật tử trên đảo

Quần đảo Trường Sa bao gồm nhiều đảo, bãi đá, bãi cạn và san hô, với số lượng tăng đến hàng trăm thực thể địa lý. Theo nghiên cứu của Trần Nam Tiến (*Chủ quyền biển đảo Việt Nam trong lịch sử và hiện tại* , NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2020, tr. 215-220), đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo Song Tử, nằm ở phía Bắc quần đảo Trường Sa. Đảo này có vị trí chiến lược gần tuyến đường hải quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế biển của Việt Nam.

Đảo không chỉ là tiền đồn quân sự mà còn là nơi sinh sống của quân và dân với hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện. Một trong những công trình văn hóa Phật giáo đáng chú ý trên đảo chính là Chùa Song Tử Tây.

Chùa Song Tử Tây

Phật giáo Việt Nam đã hiện diện trên các đảo ngoài khơi của Việt Nam từ nhiều thế kỷ trước, trong lịch sử ghi nhận sự xuất hiện của các ngôi miếu, am thờ và chùa do ngư dân Việt xây dựng lên để cầu nguyện cho sự bình an trong những

chuyến hải trình. Những phát hiện tài liệu cổ học tại các khu vực ven biển miền Trung và Nam Bộ đã tìm thấy sự phát triển liên tục của Phật giáo Việt Nam trên các vùng biển đảo từ hàng thể kỷ nay.

Theo Nguyễn Hữu Sơn trong tác phẩm *Phật giáo và chủ quyền biển đảo* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr. 88-95), sự hiện diện của Phật giáo tại các vùng biển không chỉ đơn thuần là yếu tố tín ngưỡng mà còn là bằng chứng cho thấy quá trình gắn kết giữa tôn giáo và sự phát triển của cộng đồng ven biển và đảo.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Hồng Thao nhấn mạnh rằng Phật giáo đã xuất hiện rất sớm tại các đảo thuộc chủ quyền Việt Nam, đặc biệt là từ thời nhà Lý và Trần, giai đoạn mà hoạt động hàng hải phát triển mạnh mẽ. Dưới tác động của giao thương quốc tế, các thuyền buôn Việt Nam đã mang đến văn hóa Phật giáo Việt Nam đến nhiều khu vực xa xôi, đồng thời tiếp tục nhận được ảnh hưởng của Phật giáo từ Ấn Độ, Sri Lanka và Trung Quốc thông qua đường biển.

Nghiên cứu của Nguyễn Hồng Thao trong *Tín ngưỡng và Phật giáo vùng biển đảo Việt Nam* (NXB Chính trị Quốc gia, 2018, tr. 88-95) cũng chỉ rõ rằng vào thế kỷ XIII, các nhà sư Đại Việt đã mở rộng phạm vi hoằng pháp đến vùng biển Đông, xây dựng những ngôi chùa, miếu nhỏ trên các đảo lớn như Côn Đảo, Hoàng Sa và Trường Sa.

Các tài liệu khảo cổ tại Cù Lao Chàm, Lý Sơn và Côn Đảo tiếp tục củng cố luận điểm về sự hiện diện của Phật giáo Việt Nam tại các vùng biển và đảo của Việt Nam trong suốt nhiều thế kỷ, đặc biệt trong triều đại nhà Nguyễn, các loại hình tín ngưỡng Phật giáo được nối tiếp và phát triển.

Theo nghiên cứu của Lê Mạnh Thát trong *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (NXB Tổng hợp TP.HCM, 2006, tr. 310-320), khi ra khơi khai thác hải sản, ngư dân Việt Nam thường xây dựng miếu thờ các vị thần biển và lập biểu tượng Phật trên các điểm đảo đã đến nhằm bảo vệ, giúp họ niềm tin để vượt qua thiên tai và những tai họa tiềm ẩn trên biển. Điều này không chỉ phản ánh niềm tin tôn giáo mà còn cho thấy Phật giáo đã trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cư dân vùng biển một cách liên tục trong lịch sử.

Hiện nay, trên quần đảo Trường Sa, có tổng cộng 9 ngôi chùa được xây dựng trên các đảo lớn như Song Tử Tây, Trường Sa Lớn, Sơn Ca, Sinh Tồn và Nam Yết...

Ảnh tác giả cung cấp

Chùa Song Tử Tây là một trong những ngôi chùa nằm trên quần đảo Trường Sa, được xây dựng nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân phật tử trên đảo. Theo tài liệu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong *Biên niên sử phát triển Phật giáo Trường Sa* (NXB Tôn giáo, 2014, tr. 120-125), ngôi chùa này đã trải qua sự trùng tu lớn toàn diện vào năm 2009 với sự đóng góp phát tâm từ phật tử trên cả nước. Công trình này được thiết kế theo kiến trúc của Phật giáo Việt Nam, bao gồm các hạng mục quan trọng như tam quan, chính điện, gác chuông và sân chùa. Vật liệu sử dụng để xây dựng đều được lựa chọn cẩn thận đảm bảo khả năng thích nghi với môi trường khí hậu ở vùng biển đảo.

Theo bài viết "*Đảo Song Tử Tây - Những dấu chủ quyền của tổ quốc*" đăng trên *Văn nghệ Đà Nẵng*, vào năm 2009, người dân cả nước cùng với ngư dân tại Quần đảo Trường Sa đã chung tay đóng góp tài năng, vật lực để tu sửa, tôn tạo các chùa, trong đó có chùa Song Tử Tây. Ngôi chùa này được xây dựng trên nền tảng của một miếu thờ thần biển vốn đã tồn tại từ rất lâu. Khi ra khơi đánh bắt cá, ngư dân thường ghé lại nơi này để tránh bão, đồng thời thực hiện các nghi lễ cúng bái, cầu mong thời tiết thuận lợi, sóng yên tĩnh, gió lặng và đánh bắt được nhiều tôm cá.

Công cuộc trùng tu vào năm 2009 đã mở rộng quy mô đáng kể, giúp chùa trở nên khang trang, bề thế, đồng thời bảo tồn những giá trị văn hóa và tín ngưỡng lâu đời của ngư dân Việt Nam.

Việc thiết lập miếu thờ và xây dựng tại các đảo xa không phải là biểu tượng mới trong lịch tôn giáo và văn hóa Việt Nam. Theo một số tài liệu Hán Nôm, việc thờ cúng thần linh, Phật giáo tại hòn đảo xa xôi là một tập quán phổ biến từ lâu đời. Tại đình thần Vĩnh Phước, một câu đối chữ Hán được viết lại như sau: “海靜波恬共仰神光普照　　民安物阜含霑德被無私”, dịch nghĩa: *“Biển an toàn và cùng một sự che chở của thần, Người an lành vật sinh sôi đều nhờ ân đức suy nghĩ của thần”* (Phật giáo Đồng Tháp, 2019).

Những tư liệu như vậy phản ánh ánh truyền thống lâu đời của người Việt trong việc lập miếu thờ và thực hành nghi lễ cầu an trên biển đảo.

CHÙA SONG TỬ TÂY
VẠN ĐỨC TỪ TÔN

Ảnh tác giả cung cấp

Trong văn hóa tín ngưỡng Việt Nam, việc cầu bình an trước mỗi chuyến hải trình là một nghi thức quan trọng, thể hiện sự thành kính tổ tiên, thần linh, đồng thời bày tỏ mong ước về một hành trình an toàn. Trước khi ra khơi, nhiều ngư dân thường thực hiện nghi lễ cúng bái ngay tại nhà hoặc tại các miếu thờ ven biển. Một trong những nghi thức phổ biến là lễ cúng gia tiên trước khi đi xa.

Theo bài viết "*Văn khấn gia tiên khi đi xa: Cầu bình an, mong may mắn*" đăng trên *Mật Ong Bồ Đề Hoa*, nghi thức này giúp người thực hiện bày tỏ lòng thành kính với tổ tiên, gửi niềm mong ước về một chuyến đi bình an, thuận lợi. Lễ vật thường bao gồm trầu cau, hoa tươi, nến, rượu, nước tinh khiết và hương khói. Khi hành lễ, ngư dân khấn hương, đọc văn khấn để cầu xin sự phù hộ từ tổ tiên và thần linh.

Ngoài ra, trong suốt các chuyến hải hành dài ngày, ngư dân còn có thói quen mang theo những vật phẩm tâm linh như bùa chú, tượng Phật để cầu mong sự che chở. Niềm tin này đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần tín ngưỡng của cộng đồng dân miền biển. Khi đặt chân đến các đảo xa để yên tĩnh hoặc tránh bão, họ thường là an vị tượng Phật tại một nơi trang trọng trên đảo để thờ cúng. Theo thời gian, mỗi lần thăm viếng, họ lại tiếp tục sửa sang, tôn tạo thêm, biến những nơi này thành điểm dừng chân tâm linh trên biển. Những nghi thức và tín ngưỡng như vậy phản ánh mối liên kết chặt chẽ giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo trong văn hóa biển đảo Việt Nam.

Ảnh tác giả cung cấp

Không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo, chùa trên các đảo còn có vai trò quan trọng trong việc khẳng định chủ quyền quốc gia. Các lễ hội Phật giáo như Phật Đản, Vu Lan, lễ cầu siêu cho liệt sĩ, cầu an đầu năm, lễ hội Dược Sư, công phu mỗi

ngày theo thanh quy đều được tổ chức tại đây, thu hút sự tham gia của nhân dân phật tử ngư dân và các đoàn công tác từ đất liền. Theo tài liệu *Phật giáo Việt Nam trên Biển Đông* (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, NXB Tôn giáo, 2019, tr. 320-325), các hoạt động viếng thăm, sinh hoạt tín ngưỡng của tăng ni và phật tử từ đất liền ra Trường Sa thể hiện quyền tự do tôn giáo của người dân rất được tôn trọng, dù ở trong đất liền hay ở ngoài biển đảo.

Chùa Song Tử Tây cũng đã trở thành thành nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm thơ ca, ca ngợi thần thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc. Trong bài thơ *Tiếng chuông chùa giữa biển khơi* của Nguyễn Thanh Sơn (*Thi ca biển đảo* , NXB Hội Nhà Văn, 2018, tr. 125-130), hình ảnh chùa Song Tử Tây được khắc họa như một biểu tượng bất diệt:

“Giữa biển khơi, chuông chùa vang vọng,
Tựa hồ nước, khẳng định chủ quyền,
Ngư dân vững lái, chiến binh đảo bền lòng,
Trường Sa một dải, biển thiên thiên đá.”

Từ những tư liệu lịch sử và văn hóa trên, có thể thấy công việc nghiên cứu các tài liệu liên quan đến các sắc lệnh hoặc chỉ của các vị hoàng đế Việt Nam về nghề cá và các hoạt động khai thác hải sản sẽ được cập nhật từ các nguồn tư liệu trong và ngoài nước. Trong đó có những bản chép lại thể hiện sự quan tâm của triều đình đối với nghề cá và đời sống ngư dân. Một trường hợp tiêu biểu là triều đại của vua Lê Thánh Tông (1442-1497), người đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích ngư nghiệp.

Trong bộ luật *Hồng Đức Thiện Chính Thư* (□□□□□), một văn bản do chính nhà vua biên soạn, có những điều khoản quy định về việc quản lý và phát triển hoạt động đánh bắt cá. Những nội dung đó đã phản ánh rõ ràng sự quan tâm của nhà vua đối với đời sống ngư dân và sự phát triển bền vững của ngành thủy sản.

Trong một tài liệu khác, *Hải ngoại kỷ sự* (□□□□) của Thích Đại Sán, một nhà sư Trung Quốc từng đến Đàng Trong vào thế kỷ XVII, có đề rằng người Việt khi đi biển thường mang theo tượng Phật và kinh Phật để tránh tai họa. Văn bản ghi chép như sau: “□□□□□

Theo nghiên cứu của Lê Mạnh Thát trong tác phẩm *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (NXB Tổng hợp TP.HCM, 2006, tr. 210-215), nhiều bia ký và di tích khảo cổ tại các khu vực ven biển như Cù Lao Chàm, Phú Quý, Lý Sơn, Côn Đảo cũng như trên một số di chỉ trên quần đảo thuộc Hoàng Sa và Trường Sa, đều ghi nhận sự hiện diện của chùa chiền và miếu thờ Phật từ thời Lý – Trần.

Với bằng chứng này, thấy rằng Phật giáo không chỉ lan tỏa mạnh mẽ ở đất liền mà còn được người Việt Nam mang đến các vùng biển đảo xa. Tư liệu phương Tây cũng có những ghi nhận tương tự. Nhà truyền giáo Alexandre de Rhodes, trong tác phẩm *Histoire du Royaume de Tonkin - Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* (NXB Lyon, 1651, tr. 155), có đề cập đến thói quen của ngư dân Việt Nam trong công việc mang theo tượng Phật để cầu nguyện cho những chuyến hải trình an toàn.

Rhodes ghi nhận: *"Les marins tonkinois prient Bouddha et construisent des autels sur les îles pour Demander une mer peacee"*, nghĩa là "Ngư dân Đàng Ngoài cầu nguyện Phật và dựng bàn thờ trên các đảo để mong biển yên sóng". Những bản chép và tài liệu xưa này cho thấy Phật giáo không chỉ đóng vai trò như một tín ngưỡng hệ thống và truyền thống, mà còn trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống tâm linh và văn hóa của ngư dân Phật tử Việt Nam.

Ngoài các tài liệu lịch sử, báo chí Việt Nam cũng có nhiều bài viết đề cập đến vai trò của chùa Song Tử Tây trong đời sống tâm linh và khẳng định chủ quyền biển đảo. Một bài viết trên *Báo Chính phủ* (2023) nhấn mạnh: *"Chùa Song Tử Tây không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo mà còn là điểm tựa tinh thần vững chắc cho những người lính đảo, đồng thời là biểu tượng văn hóa khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam"*.

Tài liệu quốc tế cũng có những nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo và chủ quyền tại Biển Đông. Trong tác phẩm *Cấu trúc tôn giáo và chủ quyền ở Biển Đông* (NXB Routledge, 2021, tr. 45-60), tác giả John Smith đã phân tích vai trò của các tôn giáo giáo như chùa chiền và nhà thờ trên các đảo Biển Đông trong việc củng cố quyền chủ nhà của quốc gia sở hữu. Một nghiên cứu khác của Michael Green (2020), trong bài báo có tiêu đề *Xung đột hàng hải và Di sản văn hóa ở Đông Nam Á* (Nhà xuất bản Đại học NXB Cambridge, tr. 110-125), cũng đề cập đến các chiến lược sử dụng yếu tố văn hóa và tôn giáo để khẳng định chủ quyền tại Biển Đông, trong đó có sự hiện diện của các ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa. Ông Carl Thayer (2019), trong bài viết *Vai trò chiến lược của Việt Nam ở Biển Đông Tranh chấp* đăng trên *Harvard Asia Pacific Review* (tr. 85-95), nhận định rằng các hoạt động tôn giáo và văn hóa của Việt Nam tại Trường

Sa là một phần trong chiến lược bảo vệ quyền chủ nhà quốc gia.

Ông cũng khẳng định*: "The restoration of Buddhist temples in the Spratly Islands is a strategic move by Vietnam to reinforce its sovereignty claims"*, dịch nghĩa là: *Việc trùng tu các ngôi chùa Phật giáo trên quần đảo Trường Sa là một bước đi chiến lược của Việt Nam củng cố cố tuyên bố quyền chủ quyền.* Các nghiên cứu đã cho thấy rằng ngoài yếu tố tâm linh, các công trình Phật giáo tại Biển Đông còn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Trước khi trùng lặp vào năm 2009, đảo Song Tử Tây đã có một miếu nhỏ thờ Phật cùng các thần tại nhiều vị trí trên đảo, vốn được xây dựng từ bất kỳ thời điểm nào khi người Việt khai phá vùng biển này. Theo Nguyễn Đình Đầu trong tác phẩm *Trường Sa trong lịch sử Việt Nam* (NXB Chính trị Quốc gia, 2014, tr. 235-240), từ thế kỷ XIX, ngư dân miền Trung và Nam Bộ thường xây dựng miếu thờ trên các đảo xa nhằm cầu mong bình an cho những chuyến hải trình, đồng thời khẳng định sự hiện diện lâu dài của người Việt trên vùng biển quan trọng này.

Những nhà nghiên cứu lịch sử cũng tìm thấy sự quan tâm đặc biệt, sự cai quản bằng hành chính và pháp lý của các triều đại phong kiến Việt Nam nhằm duy trì các cơ sở tôn giáo trên biển đảo. Trong *Đại Nam thực lục* (□□□□), Quốc sử triều triều Nguyễn đã ghi nhận công vua Gia Long và Minh Mạng trong chiến lược xây dựng miếu thờ trên các đảo ngoài khơi. Văn bản có đoạn: " □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ " , dịch nghĩa: *"Trẩm lệnh cho Hải quân lập miếu thờ trên quần đảo Hoàng Sa, thờ Phật và thần linh để che chắn ngư dân"* (NXB Khoa học Xã hội, 1993, tr. 458).

Điều này cho thấy việc thiết lập chùa, miếu tại các vùng biển đảo không chỉ xuất phát từ tín ngưỡng dân gian mà còn có sự hỗ trợ từ triều đình khẳng định pháp lý cai quản và xác nhận quyền chủ đất. Sự hiện diện của Phật giáo trên biển đảo Việt Nam không phải là một hiện tượng mới xuất hiện mà là một quá trình lịch sử có tính liên tục qua nhiều thế kỷ.

Theo tài liệu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (*Biên niên sử phát triển Phật giáo Trường Sa* , NXB Tôn giáo, 2014, tr. 120-125), vào năm 2009, chùa Song Tử Tây đã được phổ biến trên nền móng của một ngôi miếu Phật cổ có từ lâu đời. Xây dựng vững chắc với chất liệu có khả năng chịu đựng khí hậu khắc nghiệt. Kiến trúc mang phong cách Bắc Tông Việt Nam, bao gồm các hạng mục như tam quan, chính điện, gác chuông và sân chùa. Các tượng Phật được đúc bằng đồng, hoành tráng câu đối được viết bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ, gợi ý phần duy trì bản sắc văn hoá Phật giáo Việt Nam tại vùng biển đảo.

Theo bài viết *Chiến lược biển và chủ quyền văn hóa của Việt Nam* trên tạp chí *The Diplomat* (2010, tr. 85), việc trùng tu các di tích văn hóa, bao gồm chùa Song Tử Tây, thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc duy trì sự kiện hiện diện văn hóa hóa và tâm linh tại các vùng biển tranh chấp. Việc ngư dân Việt Nam từ xưa đã xây dựng chùa, miếu trên các đảo không thể chỉ tạo ngưỡng tín hiệu mà còn khẳng định quyền chủ quốc gia. Việc trùng tu chùa Song Tử Tây không đơn thuần là một hoạt động bảo tồn di sản Phật giáo mà vẫn có ý nghĩa quan trọng về chính trị và chủ quyền trên Biển Đông. Sự kiện trùng tu chùa vào năm 2009 có thể được xem là bước tiếp nối truyền thống, củng cố tinh thần yêu nước cũng như niềm tin của quân dân trên đảo. Phật giáo không chỉ giữ vai trò tâm linh mà còn góp phần nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo, tạo mối liên kết bền chặt giữa quần đảo Trường Sa và đất liền.

Như nghiên cứu của Nguyễn Đình Đầu (*Trường Sa trong lịch sử Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 2014, tr. 235-240) đã phân tích, sự hiện diện của Phật giáo Việt Nam trên quần đảo Trường Sa là một hình thức hiện "chủ quyền mềm" (*soft power*), giúp Việt Nam duy trì sự kiểm soát lâu dài mà không cần đến các biện pháp quân sự. Nghi lễ tôn giáo Phật giáo trên đảo không chỉ là nơi hành lễ của phật tử mà còn là của quân dân đồng thời là biểu tượng của quyền lãnh thổ.

Chùa Song Tử Tây đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của quân đội và dân dân trên đảo, đồng thời là địa điểm tổ chức nhiều nghi lễ Phật giáo truyền thống như Phật Đản, Vu Lan, và các buổi cầu siêu tưởng niệm anh linh liệt sĩ. Các nghi thức này không chỉ mang lại sự lành về mặt tinh thần cho cộng đồng sinh sống và việc làm trên đảo mà còn góp phần bảo tồn giá trị văn hóa Phật giáo gắn liền với biển đảo Việt Nam (Giáo hội Phật giáo Việt Nam) Nam, 2019, tr. 320-325).

Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Thanh (*Bảo tồn di sản tôn giáo vùng biển đảo* , NXB Khoa học Xã hội, 2020, tr. 175-180), sự hiện diện của Phật giáo tại khu vực này là minh chứng rõ ràng về sự thật kiểm soát liên tục và không gián đoạn của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa. Công trình chùa Song Tử Tây không chỉ đơn thuần là nơi thực hành tín ngưỡng mà còn mang ý nghĩa biểu tượng trong công việc bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong bối cảnh tranh chấp phức tạp trên Biển Đông, các công trình Phật giáo Việt Nam tại Trường Sa nói chung và chùa Song Tử Tây nói riêng chính là điểm tựa tinh thần quan trọng, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về trách nhiệm giữ yên chủ quyền biển đảo và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc.

Tác giả: **Trần Lê Đình Hiếu -** NCS TS Khóa 3, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM

Tài liệu tham khảo

Alexandre de Rhodes. (1651). *Histoire du Royaume de Tonkin*. Lyon, France: Pierre Aubouin.

Carl Thayer. (2019). *Vietnam's Strategic Role in the South China Sea Dispute*. Harvard Asia Pacific Review, 85-95.

- Đại Nam thực lục (1993) , NXB Khoa học Xã hội.
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam tinh Đồng Tháp, Giới thiệu một số văn bản Hán Nôm tại đình chùa thành phố Sa Đéc.
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2014). *Biên niên sử phát triển Phật giáo Trường Sa*. NXB Tôn giáo.
- Lê Mạnh Thát, (2006). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Tổng hợp TP.HCM
- Nguyễn Lang. (1994). *Việt Nam Phật giáo sử luận*. NXB Văn Học.
- Nguyễn Đình Đầu. (2014). *Trường Sa trong lịch sử Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Thanh Sơn , (2018), *Thi ca biển đảo*, NXB Hội Nhà Văn.
- Nguyễn Văn Thanh, (2020), *Bảo tồn di sản tôn giáo vùng biển đảo*. NXB Khoa học xã hội.
- The Diplomat. (2010). *Vietnam's Maritime Strategy and Cultural Sovereignty*.
- Thích Đại Sán, (1965), Hải ngoại kỷ sự,
- Trần Nam Tiến, (2020), *Chủ quyền biển đảo Việt Nam trong lịch sử và hiện tại*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM